

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2023  
cho Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao tỉnh Đồng Nai**

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 10639/UBND-KGVX ngày 07 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ ngành văn hóa, thể thao và du lịch trong năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2023;

Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch - Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ năm 2023 cho Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao tỉnh Đồng Nai (phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao tỉnh Đồng Nai căn cứ nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch được giao xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đúng quy định hiện hành, đạt hiệu quả.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng; Trưởng các Phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng nếp sống Văn hóa và Gia đình; Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao tỉnh Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, KHTC(An).

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Thị Ngọc Loan**

**PHỤ LỤC****NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 626/QĐ-SVHTTDL ngày 30/12/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2023)

**Đơn vị: Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao tỉnh Đồng Nai**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số chỉ tiêu giao	Ghi chú
<b>1</b>	<b>VĂN HÓA</b>	Học sinh	312	
-	Học sinh tiểu học	Học sinh	22	
-	Học sinh THCS	Học sinh	140	
-	Học sinh THPT	Học sinh	150	
<b>2</b>	<b>THỂ THAO</b>		0	
-	<b>Đào tạo vận động viên</b>	VĐV	230	
+	Vận động viên tập trung	VĐV	230	
+	Vận động viên lên đội tuyển	VĐV	3	
<b>3</b>	<b>Tham gia các giải thi đấu Thể thao</b>		0	
-	Tham dự giải Quốc gia (Trẻ, nhóm tuổi, CLB)	Giải	20	
-	Tham dự giải Quốc tế	Giải	1	
<b>4</b>	<b>Huy chương đạt được</b>		0	
-	Huy chương giải Quốc gia	HC	130	
-	Huy chương Quốc tế	HC	1	
<b>5</b>	<b>Đăng cấp Vận động viên</b>		0	
-	Vận động viên Cấp I	VĐV	50	
<b>6</b>	<b>Chi đào tạo thể thao vận động viên Năng khiếu</b>			
-	Tiền ăn 230 VĐV, 34 HLV thực hiện theo Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2019 (264 x 200.000đ/ngày x 365 ngày)	HLV, VĐV	264	
-	Tiền công 230 VĐV thực hiện theo Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2019 (230VĐV x 55.000đ/ngày x 313 ngày)	VĐV	230	
-	Tiền công 13 HLV không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện theo Thông tư 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2019 (13 HLV x 180.000đ/ngày x 313 ngày)	HLV	13	
-	Điện, nước sinh hoạt cho 230 VĐV nội trú: 230 VĐV x 250.000đ/tháng	Năm	1	

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Số chỉ tiêu giao	Ghi chú
-	Xe đưa đón VĐV các đội đi tập luyện thường xuyên tại SVĐ Đồng Nai (thuê thêm xe, nhiên liệu, bảo hiểm xe 29 chỗ được trang bị tại trường)	Năm	1	
-	Thuê sân bãi tập luyện cho VĐV Năng khiếu	Năm	1	
-	Thuê tài xế ô tô 29 chỗ chở VĐV đi tập luyện 6.600.000đ x 12 tháng	Người	1	
-	Tập huấn, tham gia thi đấu thể thao trong nước (tiền ăn, tiền ở, tiền tàu xe, lệ phí thi đấu, bảo hiểm thi đấu, tiền thuốc, khám sức khỏe...) +Tập huấn, thi đấu giao hữu: 264 HLV, VĐV x 6.872.800đ x 02 đợt/năm +Thi đấu: 264 HLV, VĐV x 10.541.300đ/ x 03 giải	Năm	1	
-	Tập huấn, tham gia thi đấu thể thao quốc tế (tiền ăn, tiền ở, tiền tàu xe, lệ phí thi đấu, bảo hiểm thi đấu, tiền thuốc, khám sức khỏe...). Dự kiến 2-3 giải/năm, khoảng 15 HLV+VĐV	Năm	1	
-	Tổ chức tuyển chọn vận động viên và kiểm tra định kỳ (02 đợt/năm), chi phí đưa đón HLV, VĐV tập trung Đội tuyển, Trẻ Quốc Gia.	Đợt	2	
-	Thuê xe đưa đón VĐV Cấp 1 đi học Văn hóa	Tháng	9	
-	Trang thiết bị dùng cho tập luyện và tham gia thi đấu thể thao +Tập luyện thường xuyên: 264 HLV, VĐV x 4.617.800đ x 02 đợt/năm +Thi đấu: 264 HLV, VĐV x 7.320.500đ x 01 đợt/năm	Năm	1	
-	Trang cấp đồ dùng sinh hoạt cho VĐV (mùng, mền, chiếu, gối, dụng cụ sinh hoạt, dụng cụ nhà ăn...)	Năm	1	
-	Thực phẩm chức năng và thuốc bổ tăng lực hỗ trợ VĐV tập luyện (Quy định tại Điều 4, Thông tư số 61/2018/TT-BTC) (Các VĐV có thành tích xuất sắc tranh chấp huy chương vàng tại các giải trẻ nhóm tuổi quốc gia): 600.000đ/người/tháng	VĐV	30	
-	Phụ cấp đẳng cấp cho HLV, VĐV đạt đẳng cấp của năm 2022 (Kiện tướng, DBKT, Cấp I) Quốc gia theo Quyết định số 4674/QĐ - UBND ngày 30/12/2016.	Năm	1	



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số chỉ tiêu giao	Ghi chú
-	Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu (theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ) Huấn luyện viên: 4.680.000đ/tháng x 21,5% x 13HLV x 12 tháng Vận động viên: 350.000đ/năm x 230 VĐV	Tháng	12	
-	Chi khen thưởng HLV, VĐV đạt huy chương giải Quốc Gia và Quốc tế	Năm	1	
-	Chi đào tạo VĐV phong trào tại các huyện:	Năm	1	
	<i>Tiền thuê HLV tại cơ sở: 180.000đ x 156 ngày x 14 người</i>			
	<i>Tiền công VĐV phong trào: 55.000đ x 156 ngày x 140 VĐV</i>			
	<i>Tiền trang cấp tập luyện: 700.000đ x 01 đợt x 154 người</i>			
	<i>Tiền thuê mượn CSVN tập luyện: 44.000.000đ x 12 tháng</i>			
	<i>Chi phí kiểm tra tuyển chọn, định kỳ</i>			
<b>7</b>	<b>Chi đào tạo Văn hóa vận động viên năng khiếu</b>			
-	Thuê giáo viên thỉnh giảng dạy văn hóa các khối THCS, THPT (9 tháng) +THCS: 6.192 tiết x 75.000đ/tiết (14 môn) +THPT: 6.264 tiết x 85.000đ/tiết (13 môn) +Sinh hoạt chủ nhiệm +THCS: 864 tiết x 75.000đ/tiết +THPT: 864 tiết x 85.000đ/tiết	Tháng	9	
-	Thuê giáo viên dạy phụ đạo học sinh yếu, lớp 9, lớp 12, học sinh đi thi đấu (9 tháng) +THCS: 413 tiết x 75.000đ/tiết +THPT: 1015 tiết x 85.000đ/tiết	Tháng	9	
-	Tổ chức kiểm tra thi học kỳ khối THCS, THPT: in giấy thi, photo đề thi, giấy khen, phần thưởng học sinh	Học kỳ	2	
-	Tổ chức Lễ khai giảng, Lễ tổng kết năm học, Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Ngày Quốc tế Thiếu Nhi, Ngày thể thao VN	Lễ	5	
-	Văn phòng phẩm Giáo viên, dụng cụ dạy học	Năm học	1	
-	Trang cấp phòng thư viện học sinh: sách, báo, tạp chí	Tháng	12	



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số chỉ tiêu giao	Ghi chú
-	Bảo hiểm y tế học sinh 563.220đ/học sinh	Học sinh	230	
-	Tổ chức học tập ngoại khóa, tham gia hoạt động giáo dục ngoài giờ (tìm hiểu thực tế di tích văn hóa, lịch sử, tham gia hoạt động công ích xã hội, từ thiện....)	Đợt	1	
<b>8</b>	<b>Chi khác</b>			
-	Bảo dưỡng, Sửa chữa thường xuyên điện, nước, vật dụng, phòng ở vận động viên và phòng học văn hóa	Năm	1	
-	Mua sắm bàn ghế lớp học văn hoá (16 bàn, 32 ghế/lớp học x 10 lớp)	Lớp	10	
-	Mua sắm tài sản chuyên dùng môn Bắn súng, Judo và Cử tạ	Môn	3	
-	Trang bị Camera phòng học	Cái	25	
-	Rèm chống nắng lớp học	Lớp	5	
<b>9</b>	Chủ động thực hiện tốt những chỉ tiêu cơ bản khác theo kế hoạch do đơn vị xây dựng và phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước của tỉnh và các ngày lễ lớn trong năm 2023			

